

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **149/2021/DS-PT**

Ngày: 28-4-2021

V/v tranh chấp dân sự về hợp
đồng tín dụng và hợp đồng
thế chấp quyền sử dụng đất

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Tấn L.

Các Thẩm phán:

Ông Nguyễn Tấn T

Bà Nguyễn Thị Thúy H

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị N – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:

Ông Nguyễn Văn T - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 17/3/2021, ngày 31/3/2021 và ngày 28/4/2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 464/2020/TLPT-DS, ngày 17 tháng 11 năm 2020, về việc “*Tranh chấp dân sự về hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 54/2020/DS-ST ngày 16 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện L bị kháng cáo;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 66/2021/QĐ-PT ngày 18 tháng 02 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng B;

Đại diện theo pháp luật ông Phan Đức T, chức vụ Chủ tịch Hội đồng quản trị (HDQT).

Địa chỉ: Tháp B, 35 V, quận K, TP. Hà Nội.

Đại diện theo ủy quyền ông Đoàn Hữu T, chức vụ Giám đốc B chi nhánh S (theo Quyết định số 906/QĐ-B ngày 25/11/2018 của Chủ tịch HDQT B); Địa chỉ: 209A, đường T, Phường M, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp.

Ông Đoàn Hữu T ủy quyền lại cho ông Phạm Thiện S, chức vụ Giám đốc B Phòng giao dịch L theo Quyết định ủy quyền tham gia tố tụng số: 227/B.SĐ-QLRR ngày 18/4/2019 và ông Huỳnh Minh H, chức vụ Kiểm soát viên Phòng giao dịch L theo Quyết định ủy quyền tham gia tố tụng số: 270/B.SĐ-QLRR ngày 06/5/2020; Địa chỉ: 120A, khóm B 1, thị trấn L, huyện L, tỉnh Đồng Tháp (có mặt).

2. Bị đơn:

2.1. Phan Phú T, sinh năm 1975 (có mặt);

Địa chỉ: 348 ấp T, xã T, huyện L, Đồng Tháp.

2.2. Lê Thị Thanh V, sinh năm 1974 (vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt);

Địa chỉ: 127A ấp A, xã Đ, huyện L, Đồng Tháp.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Phan Văn T, sinh năm: 1929 (Đã chết ngày 13/01/2014);

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Phan Văn T gồm: 01.

Phan Thị R, sinh năm 1952, địa chỉ: 280 ấp L, xã H, huyện L, Đồng Tháp; 02.

Phan Thị P, sinh năm 1958, địa chỉ: 348 ấp T, xã T, huyện L, Đồng Tháp; 03. Phan

Thị S, sinh năm 1959, địa chỉ: 348 ấp T, xã T, huyện L, Đồng Tháp; 04. Phan Văn

L, sinh năm 1961, địa chỉ: 335 ấp T, xã T, huyện L, Đồng Tháp; 05. Phan Thành

V, sinh năm 1964, địa chỉ: 345 ấp T, xã T, huyện L, Đồng Tháp; 06. Phan Phú H,

sinh năm 1966, địa chỉ: 348 ấp T, xã T, huyện L, Đồng Tháp; 07. Phan Thị Ngọc

B, sinh năm 1972, địa chỉ: 53/2 ấp P, xã H, huyện L, Đồng Tháp; 08. Phan Phú T,

sinh năm 1975, địa chỉ: 348 ấp T, xã T, huyện L, Đồng Tháp; 09. Phan Ngọc H,

sinh năm 1969 (Đã chết ngày 02/02/2011), người thừa kế thế vị của bà H là anh

Nguyễn Ngoan Q, sinh năm 2002 và Nguyễn Thị Ngọc M, sinh năm 2006 (con bà H); Cùng địa chỉ: 150A/5 ấp K, xã V, huyện L, tỉnh Đồng Tháp;

3.2. Phan Thị R, sinh năm 1952 (có mặt);

Địa chỉ: 280 ấp L, xã H, huyện L, Đồng Tháp.

3.3. Phan Văn L, sinh năm 1961 (có mặt);

Địa chỉ: 335 ấp T, xã T, huyện L, Đồng Tháp.

3.4. Phan Phú H, sinh năm 1966 (có mặt);

3.5. Phan Thị S, sinh năm 1959 (có mặt);

Cùng địa chỉ: 348 ấp T, xã T, huyện L, Đồng Tháp.

3.6. Phan Thành V, sinh năm 1964 (có mặt);

Địa chỉ: 345 ấp T, xã T, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

3.7. Phan Thị Ngọc B, sinh năm 1972 (có mặt);

Địa chỉ: 53/2 ấp P, xã H, huyện L, Đồng Tháp.

3.8. Phan Thị P, sinh năm 1958;

Địa chỉ: 348 ấp T, xã T, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

Bà Phan Thị P ủy quyền cho ông Phan Văn L, sinh năm 1961; Địa chỉ: 335 ấp T, xã T, huyện L, tỉnh Đồng Tháp theo Giấy ủy quyền ngày 30/8/2013 (có mặt).

3.9. Nguyễn Hữu Q, sinh năm 1976 (vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt);

Địa chỉ: 336/9, đường Lê Đại H, khóm M, phường M, TP C, tỉnh Đồng Tháp. Hiện ông Nguyễn Hữu Q đang chấp hành án tại Trại giam C, Tổng cục S Bộ Công an, Ấp S, xã T, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

3.10. Nguyễn Thiện N, sinh năm 1984 (vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt);

Địa chỉ: 281 ấp L, xã H, huyện L, Đồng Tháp.

3.11. Phan Trọng P, sinh năm 1995 (có mặt);

3.12. Phan Nhựt D, sinh năm 2001 (có mặt);

Cùng địa chỉ: 348 ấp T, xã T, huyện L, Đồng Tháp.

3.13. Phan Ngọc H, sinh năm 1969 (Đã chết ngày 02/02/2011).

Địa chỉ: ấp K, xã V, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Phan Ngọc H gồm: 01. Nguyễn Văn P, sinh năm 1969 (chồng bà H); 02. Nguyễn Ngoan Q, sinh năm 2002 (con bà H); 03. Nguyễn Thị Ngọc M, sinh năm 2006 (con bà H); Cùng địa chỉ: 150A/5 ấp K, xã V, huyện L, tỉnh Đồng Tháp; Người đại diện theo pháp luật của Nguyễn Thị Ngọc M là ông Nguyễn Văn P, sinh năm 1969 (cha của Mến). Ông Nguyễn Văn P và anh Nguyễn Ngoan Q ủy quyền cho ông Phan Phú T, sinh năm 1975; Địa chỉ: 348 ấp T, xã T, huyện L, Đồng Tháp theo Hợp đồng ủy quyền ngày 12/3/2021 (có mặt).

3.14. Lê Khắc P, sinh năm 1964 (có mặt).

Địa chỉ: 53/2 ấp P, xã H, huyện L, Đồng Tháp.

Viện kiểm sát kháng nghị: Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Nguyên đơn Ngân hàng B, người đại diện theo ủy quyền là ông Huỳnh Minh H trình bày:**

Theo Hợp đồng tín dụng cho vay hạn mức tín dụng số HM0165.11/HĐTD ngày 14/3/2011 (viết tắt là Hợp đồng tín dụng số HM0165.11/HĐTD ngày 14/3/2011), Ngân hàng Đ (Ngân hàng Đ sáp nhập vào Ngân hàng B (viết tắt là Ngân hàng B) vào năm 2015) ký hợp đồng cho ông Phan Phú T vay số tiền 650.000.000 đồng, thời hạn vay theo hợp đồng là 06 tháng cho mỗi lần nhận tiền vay, có quy định lãi suất trong hạn và quá hạn. Bảo đảm cho khoản vay 650.000.000 đồng, ông Phan Văn T ký kết Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng (QSD) đất và tài sản gắn liền với đất của bên thứ ba số 0165.11/HĐTC, ngày 14/3/2011 (viết tắt là Hợp đồng thế chấp số 0165.11/HĐTC, ngày 14/3/2011), thế chấp 03 (ba) giấy chứng nhận QSD đất gồm: giấy chứng nhận QSD đất số AO221807, do UBND huyện L cấp ngày 24/11/2009 cho hộ ông Phan Văn T; giấy chứng nhận QSD đất số AO221808, do UBND huyện L cấp ngày 24/11/2009 cho hộ ông Phan Văn T và giấy chứng nhận QSD đất số AO221809, do UBND huyện L cấp ngày 24/11/2009 cho hộ ông Phan Văn T. Từ khi vay đến nay ông T không đóng tiền lãi và cũng không trả vốn gốc cho Ngân hàng.

Theo Hợp đồng tín dụng (Dùng cho hộ gia đình, cá nhân) số NC0177.11/HĐTD ngày 18/03/2011 (viết tắt là Hợp đồng tín dụng số NC0177.11/HĐTD ngày 18/3/2011), Ngân hàng Đ (Đã sáp nhập vào Ngân hàng B vào năm 2015) ký hợp đồng cho ông Phan Phú T vay số tiền 230.000.000 đồng, thời hạn vay theo hợp đồng là 12 tháng, có quy định lãi suất trong hạn và quá hạn. Bảo đảm cho khoản vay 230.000.000 đồng, bà Phan Thị P ký kết Hợp đồng thế chấp QSD đất và tài sản gắn liền với đất của bên thứ ba số 0177.11/HĐTC, ngày 18/3/2011 (viết tắt là Hợp đồng thế chấp số 0177.11/HĐTC, ngày 18/3/2011), thế chấp 03 (ba) giấy chứng nhận QSD đất gồm: giấy chứng nhận QSD đất số AI589444,

do UBND huyện L cấp ngày 31/12/2007 cho hộ bà Phan Thị P; giấy chứng nhận QSD đất số AI589445, do UBND huyện L cấp ngày 31/12/2007 cho hộ bà Phan Thị P và giấy chứng nhận QSD đất số AP924299, do UBND huyện L cấp ngày 13/10/2009 cho hộ bà Phan Thị P. Từ khi vay đến nay ông T không đóng tiền lãi và cũng không trả vốn gốc cho Ngân hàng đối với khoản vay này.

Ngân hàng B yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

- Buộc ông Phan Phú T có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng số tiền vốn gốc và tiền lãi tạm tính đến hết ngày 05/7/2013 là 1.097.282.500 đồng (bao gồm 650.000.000 đồng là tiền vốn gốc và 447.282.500 đồng là tiền lãi) và yêu cầu trả lãi tiếp tục từ ngày 06/7/2013 theo hợp đồng tín dụng số HM.0165.11/HĐTD ngày 14/3/2011 cho đến khi trả xong số nợ;

- Buộc ông Phan Phú T trả cho Ngân hàng số tiền vốn gốc và tiền lãi tạm tính đến hết ngày 05/7/2013 là 376.530.125 đồng (bao gồm 230.000.000 đồng là tiền vốn gốc và 146.530.125 đồng là tiền lãi) và yêu cầu trả lãi tiếp tục từ ngày 06/7/2013 theo hợp đồng tín dụng số NC.0177.11/HĐTD ngày 18/3/2011 cho đến khi trả xong số nợ;

- Yêu cầu công nhận hiệu lực của Hợp đồng thế chấp số 0165.11/HĐTC, ngày 14/3/2011. Ngân hàng B sẽ trả lại toàn bộ tài sản thế chấp là 03 (ba) giấy chứng nhận QSD đất do hộ ông Phan Văn T đứng tên như nêu trên cho những người thuộc hàng thừa kế của ông Phan Văn T (do ông Tỉnh đã chết), sau khi ông Phan Phú T đã thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ vay với Ngân hàng.

Ngân hàng B có thay đổi yêu cầu, không yêu cầu giải quyết Hợp đồng thế chấp số 0177.11/HĐTC, ngày 18/3/2011. Đối với tài sản thế chấp là 03 (ba) giấy chứng nhận QSD đất do hộ bà Phan Thị P đứng tên như nêu trên, nếu bà Phụng có yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết Hợp đồng thế chấp và yêu cầu nhận lại 03 (ba) bản chính giấy chứng nhận QSD đất của bà Phụng, Ngân hàng có ý kiến thống nhất để Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật, nếu Tòa án tuyên hợp đồng thế chấp này vô hiệu và buộc Ngân hàng trả tài sản thế chấp lại cho bà Phụng thì Ngân hàng thống nhất theo quyết định của Tòa án.

Do ông Phan Phú T là người ký nhận các khoản tiền vay như nêu trên, nên Ngân hàng B chỉ yêu cầu ông T trả toàn bộ nợ vay cho Ngân hàng. Ngân hàng B thay đổi yêu cầu, không yêu cầu bà Lê Thị Thanh V và tất cả những người liên quan có nghĩa vụ liên đới trả nợ vay cho Ngân hàng.

*** Bị đơn ông Phan Phú T trình bày:** Ông Nguyễn Hữu Q là cháu ruột gọi ông T là cậu, thời điểm 2011 ông Nguyễn Hữu Q là Giám đốc chi nhánh Ngân hàng Đ, Chi nhánh huyện L.

Đối với Hợp đồng tín dụng số HM0165.11/ HĐTD ngày 14/3/2011, ông Phan Phú T thừa nhận có nhận hai lần tiền là 100.000.000 đồng (một lần là 90.000.000 đồng và một lần là 10.000.000 đồng), việc nhận tiền có biên nhận. Đối với số tiền còn lại 550.000.000đ ông T có ký tên Hợp đồng tín dụng kèm giấy nhận nợ và bảng kê rút vốn ngày 16/3/2011 nhưng ông T không có nhận tiền mà người nhận tiền là ông Nguyễn Hữu Q. Ông Phan Văn T là cha ông T có thể chấp 03 (ba) bản chính giấy chứng nhận QSD đất gồm: giấy chứng nhận QSD đất số AO221807, do UBND

huyện L cấp ngày 24/11/2009 cho hộ ông Phan Văn T; giấy chứng nhận QSD đất số AO221808, do UBND huyện L cấp ngày 24/11/2009 cho hộ ông Phan Văn T và giấy chứng nhận QSD đất số AO221809, do UBND huyện L cấp ngày 24/11/2009 cho hộ ông Phan Văn T nhưng không phải ông Tình thế chấp để bảo đảm cho khoản vay 650.000.000 đồng này mà thế chấp cho khoản vay khác. Việc Ngân hàng B cho rằng Hợp đồng thế chấp số 0165.11/HĐTC, ngày 14/3/2011 bảo đảm cho khoản vay 650.000.000 đồng là không đúng, vì ông Tình không có ký tên vào Hợp đồng thế chấp này để bảo đảm cho khoản vay có số tiền lớn như vậy, Hợp đồng thế chấp Ngân hàng nêu ra là giả tạo, có sự thay đổi, lắp ghép, không đúng theo quy định pháp luật nên yêu cầu tuyên bố Hợp đồng thế chấp số 0165.11/HĐTC, ngày 14/3/2011 là vô hiệu và yêu cầu Ngân hàng trả 03 (ba) bản chính giấy chứng nhận QSD đất do hộ ông Phan Văn T đứng tên cho những người thuộc hàng thừa kế của ông Tình.

Đối với Hợp đồng tín dụng số NC0177.11/HĐTD ngày 18/3/2011, thì ông Nguyễn Hữu Q nhờ ông T đứng tên để vay tiền dùm cho ông Quang, với số tiền là 230.000.000 đồng, tất cả hồ sơ chứng từ đều do ông Quang lập và đưa cho ông T ký tên nhận tiền. Số tiền 230.000.000 đồng do ông T trực tiếp đến Ngân hàng nhận, nhận được tiền xong ông T đã giao lại cho ông Quang và giao hồ sơ chứng từ vừa nhận cho ông Quang giữ. Bà Phan Thị P có thế chấp 03 (ba) bản chính giấy chứng nhận QSD đất gồm: giấy chứng nhận QSD đất số AI589444, do UBND huyện L cấp ngày 31/12/2007 cho hộ bà Phan Thị P; giấy chứng nhận QSD đất số AI589445, do UBND huyện L cấp ngày 31/12/2007 cho hộ bà Phan Thị P và giấy chứng nhận QSD đất số AP924299, do UBND huyện L cấp ngày 13/10/2009 cho hộ bà Phan Thị P nhưng không phải thế chấp để bảo đảm cho khoản vay 230.000.000 đồng này mà thế chấp cho khoản vay khác. Việc Ngân hàng B cho rằng Hợp đồng thế chấp số 0177.11/HĐTC, ngày 18/3/2011 thế chấp để bảo đảm cho khoản vay 230.000.000 đồng là không đúng, vì bà Phụng không có ký tên vào Hợp đồng thế chấp này để bảo đảm cho khoản vay có số tiền lớn như vậy, Hợp đồng thế chấp Ngân hàng nêu ra là giả tạo, có sự lắp ghép, không đúng theo quy định pháp luật, nên yêu cầu tuyên bố Hợp đồng thế chấp số 0177.11/HĐTC, ngày 18/3/2011 là vô hiệu và yêu cầu Ngân hàng trả lại 03 (ba) bản chính giấy chứng nhận QSD đất cho bà Phụng.

Ông Phan Phú T chỉ thừa nhận có nợ và đồng ý trả cho Ngân hàng B số tiền 100.000.000 đồng và tiền lãi của số tiền 100.000.000 đồng này theo lãi suất của Hợp đồng tín dụng, tiền lãi tính từ ngày vay đến ngày 23/7/2013, đối với số tiền vay còn lại là 780.000.000 đồng (550.000.000 đồng + 230.000.000 đồng) và tiền lãi, số tiền này ông Nguyễn Hữu Q mượn vay dùm, khi nào ông Quang trả thì ông T mới có tiền trả cho Ngân hàng.

Theo Bản án hình sự phúc thẩm số: 762/2013/HSPT ngày 23/7/2013 của Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân Tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh. Xét xử về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản, trong vụ án ông Phan Phú T với tư cách là bị hại, ông Nguyễn Hữu Q là bị cáo. Quyết định Bản án tuyên buộc ông Quang bồi thường thiệt hại cho ông T 780.000.000 đồng, số tiền này đến nay ông Quang chưa bồi thường cho ông T.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phan Văn L đồng thời đại diện theo ủy quyền của bà Phan Thị P trình bày:** Ông Phan Văn L là con của ông

Phan Văn T là người thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Tình trong vụ án này. Việc Ngân hàng B cho rằng Hợp đồng thế chấp số 0165.11/HĐTC, ngày 14/3/2011, thế chấp để bảo đảm cho khoản vay 650.000.000 đồng là không đúng, vì ông Tình không có ký tên vào Hợp đồng thế chấp này để bảo đảm cho khoản vay có số tiền lớn như vậy, Hợp đồng thế chấp Ngân hàng nêu ra là giả tạo, có sự lắp ghép, giả mạo không đúng quy định, yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết tuyên Hợp đồng thế chấp số 0177.11/HĐTC, ngày 18/3/2011 vô hiệu và trả 03 (ba) bản chính giấy chứng nhận QSD đất đã thế chấp lại cho những người thuộc hàng thừa kế của ông Tình do ông Tình đã chết.

Ngân hàng không yêu cầu bà Phan Thị P trả nợ, tuy nhiên việc Ngân hàng cho rằng Hợp đồng thế chấp số 0177.11/HĐTC, ngày 18/3/2011 thế chấp để bảo đảm cho khoản vay 230.000.000 đồng là không đúng, vì bà Phụng không có ký tên vào Hợp đồng thế chấp này để đảm bảo cho khoản vay có số tiền lớn như vậy, Hợp đồng thế chấp Ngân hàng nêu ra là giả tạo, có sự lắp ghép, giả mạo không đúng quy định, nên bà Phụng yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết tuyên Hợp đồng thế chấp số 0177.11/HĐTC, ngày 18/3/2011 vô hiệu và buộc Ngân hàng B trả lại cho bà Phụng 03 (ba) giấy chứng nhận QSD đất đã thế chấp cho Ngân hàng.

Phần đất thuộc thửa đất số 30, tờ bản đồ số 87, diện tích theo giấy chứng nhận QSD đất là 5.417m², mục đích sử dụng đất trồng lúa, cấp ngày 24/11/2009, số bìa AO221809, số vào sổ cấp GCNQSDĐ: H03094, do hộ ông Phan Văn T đứng tên QSD đất, hiện nay ông Lê Khắc P đang thuê canh tác, sử dụng trồng cây ăn trái. Nếu Tòa án giải quyết buộc phải thi hành án kê biên, phát mãi, bán đấu giá phần đất này thì những người thuộc hàng thừa kế của ông Tình sẽ tự thương lượng giải quyết với ông Phụng hoặc khởi kiện thành vụ án khác.

*** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Phan Thị R, Phan Thị S, Phan Thành V, Phan Thị Ngọc B, Phan Trọng P, Phan Nhật D cùng trình bày:** Thống nhất theo trình bày và ý kiến của ông Phan Văn L. Yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết tuyên Hợp đồng thế chấp QSD đất và tài sản gắn liền với đất của bên thứ ba số 0165.11/HĐTC, ngày 14/3/2011 vô hiệu và buộc Ngân hàng trả 03 (ba) bản chính giấy chứng nhận QSD đất do hộ ông Phan Văn T đứng tên đã thế chấp cho Ngân hàng lại cho những người thuộc hàng thừa kế của ông Tình.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Khắc P trình bày:** Ông Phụng có thuê phần đất thuộc thửa 30, tờ bản đồ số 87, diện tích theo giấy chứng nhận QSD đất là 5.417m², mục đích sử dụng đất trồng lúa, cấp ngày 24/11/2009 do hộ ông Phan Văn T đứng tên, hiện nay ông Phụng đang canh tác, sử dụng trồng cây ăn trái. Ông Phụng thống nhất tự thỏa thuận với những người thuộc hàng thừa kế của ông Tình, không có tranh chấp hay yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

Các đương sự đều thống nhất theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 26/8/2020 của Tòa án nhân dân huyện L.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 54/2020/DS-ST ngày 16 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện L đã xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng B.

Buộc ông Phan Phú T trả cho Ngân hàng B tiền vốn vay của 02 (hai) Hợp đồng tín dụng là 880.000.000 đồng (Hợp đồng tín dụng vay 650.000.000 đồng và 230.000.000 đồng) và tiền lãi 02 (hai) hợp đồng tín dụng tạm tính đến hết ngày 05/7/2013 là 593.812.625 đồng (447.282.500 đồng và 146.530.125 đồng) và trả lãi tiếp tục từ ngày 06/7/2013 theo hợp đồng tín dụng cho vay hạn mức tín dụng số HM.0165.11/HĐTD ngày 14/3/2011 và hợp đồng tín dụng (Dùng cho hộ gia đình, cá nhân) số NC.0177.11/HĐTD ngày 18/3/2011 cho đến khi trả xong số nợ.

2. Tuyên bố Hợp đồng thế chấp QSD đất và tài sản gắn liền với đất của bên thứ ba số 0165.11/HĐTC, ngày 14/3/2011, số chứng thực 150/2011, quyền 02/2009 TP/CC-SCT/HĐGD, tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện L, tỉnh Đồng Tháp và Hợp đồng thế chấp QSD đất và tài sản gắn liền với đất của bên thứ ba số 0177.11/HĐTC, ngày 18/3/2011, số chứng thực 170/2011, quyền 02/2009 TP/CC-SCT/HĐGD, tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện L, tỉnh Đồng Tháp là vô hiệu.

Buộc Ngân hàng B trả lại 03 (ba) bản chính giấy chứng nhận QSD đất người đứng tên trên giấy chứng nhận QSD đất là hộ ông Phan Văn T cho những người thuộc hàng thừa kế của ông Tinh gồm thửa đất số 7, tờ bản đồ số 81, diện tích 5.973,3m², mục đích sử dụng đất ONT, LNK, cấp ngày 24/11/2009, số bìa AO221808, số vào sổ cấp GCNQSDĐ: H03093; Thửa đất số 30, tờ bản đồ số 87, diện tích 5.417m², mục đích sử dụng đất trồng lúa, cấp ngày 24/11/2009, số bìa AO221809, số vào sổ cấp GCNQSDĐ: H03094; Thửa đất số 45, tờ bản đồ số 87, diện tích 3.947m², mục đích sử dụng đất trồng lúa, cấp ngày 24/11/2009, số bìa AO221807, số vào sổ cấp GCNQSDĐ: H03092 và trả lại 03 (ba) bản chính giấy chứng nhận QSD đất người đứng tên trên giấy chứng nhận QSD đất là hộ bà Phan Thị P cho bà Phụng gồm thửa đất số 14, tờ bản đồ số 81, diện tích 3.175m², mục đích sử dụng đất LNK, cấp ngày 13/10/2009, số bìa AP924299, số vào sổ cấp GCNQSDĐ: H02915; Thửa đất số 83, tờ bản đồ số 62, diện tích 634m², mục đích sử dụng đất trồng lúa, cấp ngày 31/12/2007, số bìa AI589444, số vào sổ cấp GCNQSDĐ: H01444; Thửa đất số 92, tờ bản đồ số 62, diện tích 1.563m², mục đích sử dụng đất trồng lúa, cấp ngày 31/12/2007, số bìa AI589445, số vào sổ cấp GCNQSDĐ: H01445.

3. Về án phí, tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Phan Phú T phải nộp 56.214.378 đồng (Năm mươi sáu triệu, hai trăm mười bốn nghìn, ba trăm bảy mươi tám đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

- Buộc Ngân hàng B phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 19.127.000 đồng theo biên lai số 15820, ngày 07/8/2013 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện L, tỉnh Đồng Tháp. Ngân hàng được nhận lại 18.927.000 đồng (Mười tám triệu, chín trăm hai mươi bảy nghìn đồng).

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên thời hạn, quyền kháng cáo và quyền, nghĩa vụ, thời hiệu thi hành án của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 30 tháng 9 năm 2020, Viện kiểm sát nhân dân huyện L đã kháng nghị bản án dân sự sơ thẩm số 54/2020/DS-ST ngày 16 tháng 9

năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện L, theo Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 67/QĐKNPT-VKS-DS của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện L.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp trình bày kháng nghị: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 67/QĐKNPT-VKS-DS ngày 30/9/2020 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện L: Kháng nghị Bản án dân sự sơ thẩm số 54/2020/DS-ST ngày 16/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện L theo hướng sửa bản án sơ thẩm: Chấp nhận một phần yêu cầu của Ngân hàng B và công nhận 02 hợp đồng thế chấp QSD đất và tài sản gắn liền của bên thứ ba số 0165.11/HĐTC ngày 14/3/2011 và số 0177.11/HĐTC ngày 18/3/2011 giữa Ngân hàng và ông Phan Văn T, bà Phan Thị P có hiệu lực một phần.

- Anh Huỳnh Minh H đại diện nguyên đơn Ngân hàng B (B): Yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét theo nội dung Văn bản số 12/B-SĐ ngày 07/4/2021 của Ngân hàng B, theo đó quan điểm của Ngân hàng là: Đối với Hợp đồng thế chấp số 0165.11/HĐTC ngày 14/3/2011 Ngân hàng cho bên thế chấp trả số tiền 120.000.000 đồng, Ngân hàng sẽ trả lại tài sản thế chấp cho đại diện hợp pháp của ông Phan Văn T (do ông Tình đã chết); Đối với Hợp đồng thế chấp số 0177.11/HĐTC, ngày 18/3/2011 Ngân hàng cho bên thế chấp trả số tiền 50.000.000 đồng, Ngân hàng sẽ trả lại tài sản thế chấp cho bà Phan Thị P.

- Bị đơn ông Phan Phú T, đồng thời ông T đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn P và anh Nguyễn Ngoan Q; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phan Văn L, đồng thời ông Liêm đại diện theo ủy quyền của bà Phan Thị P; Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phan Thị R, bà Phan Thị S, ông Phan Thành V, bà Phan Thị Ngọc B, anh Phan Trọng P và anh Phan Nhứt D: Thống nhất thỏa thuận với Ngân hàng B theo nội dung mà Ngân hàng đã nêu trên. Theo đó, những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Phan Văn T (gồm: 01. Bà Phan Thị R; 02. Bà Phan Thị P; 03. Bà Phan Thị S; 04. Ông Phan Văn L; 05. Ông Phan Thành V; 06. Ông Phan Phú H; 07. Bà Phan Thị Ngọc B; 08. Ông Phan Phú T; 09. Bà Phan Ngọc H (Đã chết), người thừa kế thế vị của bà H là anh Nguyễn Ngoan Q và Nguyễn Thị Ngọc M) thống nhất trả cho Ngân hàng B số tiền 120.000.000 đồng để được nhận lại 03 (ba) bản chính giấy chứng nhận QSD đất do hộ ông Phan Văn T đứng tên đã thế chấp Ngân hàng theo Hợp đồng thế chấp số 0165.11/HĐTC ngày 14/3/2011; đối với bà Phan Thị P thống nhất trả cho Ngân hàng B số tiền 50.000.000 đồng để được nhận lại 03 (ba) bản chính giấy chứng nhận QSD đất do hộ bà Phan Thị P đứng tên đã thế chấp Ngân hàng theo Hợp đồng thế chấp số 0177.11/HĐTC, ngày 18/3/2011.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu:

+ Về tố tụng: Thủ tục kháng nghị bản án sơ thẩm đúng quy định tại các Điều 273, 277 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm xét xử phúc thẩm Thẩm phán đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Tại phiên tòa phúc thẩm, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa phúc thẩm. Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa các đương sự đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, chấp hành đúng nội quy

phiên tòa theo quy định tại các Điều 70, 71, 72, 73 và Điều 234 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự; Chấp nhận Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 67/QĐKNPT-VKS-DS ngày 30/9/2020 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện L; Công nhận sự thỏa thuận giữa các đương sự đối với Hợp đồng thế chấp số 0165.11/HĐTC ngày 14/3/2011 và ghi nhận ý kiến thỏa thuận giữa các đương sự đối với Hợp đồng thế chấp số 0177.11/HĐTC, ngày 18/3/2011; Sửa bản án dân sự sơ thẩm theo hướng chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện L và sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu và chứng cứ có trong hồ sơ, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, lời phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tòa án nhân dân huyện L thụ lý và giải quyết sơ thẩm vụ án dân sự về việc “*Tranh chấp dân sự về hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất*” là đúng quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền của Tòa án. Sau khi xét xử sơ thẩm Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện L đã kháng nghị bản án sơ thẩm. Việc Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện L kháng nghị vào ngày 30/9/2020 là trong thời hạn kháng nghị theo quy định tại Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự, nên được xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm bị đơn bà Lê Thị Thanh V và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Hữu Q, ông Nguyễn Thiện N vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt họ theo quy định tại Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án: Ngân hàng Đ (sáp nhập vào Ngân hàng B vào năm 2015) ký Hợp đồng tín dụng số HM0165.11/HĐTD ngày 14/3/2011 cho ông Phan Phú T vay số tiền 650.000.000 đồng và Hợp đồng tín dụng số NC0177.11/HĐTD ngày 18/3/2011 cho ông Phan Phú T vay số tiền 230.000.000 đồng. Bảo đảm khoản vay ông Phan Văn T có ký kết Hợp đồng thế chấp số 0165.11/HĐTC ngày 14/3/2011, thế chấp 03 (ba) giấy chứng nhận QSD đất do hộ ông Phan Văn T đứng tên và bà Phan Thị P có ký kết Hợp đồng thế chấp số 0177.11/HĐTC ngày 18/3/2011, thế chấp 03 (ba) giấy chứng nhận QSD đất do hộ bà Phan Thị P đứng tên. Sau khi nhận tiền vay cho đến nay ông T không trả vốn gốc và tiền lãi cho Ngân hàng nên phát sinh tranh chấp.

[3] Hội đồng xét xử xét thấy việc Tòa án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng B (B) buộc ông Phan Phú T trả cho Ngân hàng tiền vốn vay của 02 Hợp đồng tín dụng số HM.0165.11/HĐTD ngày 14/3/2011 và số NC.0177.11/HĐTD ngày 18/3/2011 là 880.000.000 đồng (gồm 650.000.000 đồng và 230.000.000 đồng) và tiền lãi theo hai Hợp đồng tín dụng tính đến hết ngày 05/7/2013 là 593.812.625 đồng (gồm 447.282.500 đồng và 146.530.125 đồng) và tiếp tục trả lãi theo Hợp đồng tín dụng đã ký kết từ ngày 06/7/2013 cho đến khi trả xong số nợ là có cơ sở,

việc này cũng được các đương sự thống nhất với bản án sơ thẩm và không có kháng cáo.

Riêng việc Tòa án cấp sơ thẩm tuyên Hợp đồng thế chấp số 0165.11/HĐTC ngày 14/3/2011 và Hợp đồng thế chấp số 0177.11/HĐTC ngày 18/3/2011 được chứng thực tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện L, tỉnh Đồng Tháp là vô hiệu và giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu là buộc Ngân hàng B trả lại 03 (ba) bản chính giấy chứng nhận QSD đất do hộ ông Phan Văn T đứng tên cho những người thuộc hàng thừa kế của ông Tình và trả 03 (ba) bản chính giấy chứng nhận QSD đất do bà Phan Thị P đứng tên cho bà Phụng, xét thấy là không có đủ cơ sở. Bởi lẽ: Theo tài liệu, chứng cứ do các đương sự cung cấp và Tòa án thu thập được có đủ cơ sở chứng minh việc ông Phan Văn T thế chấp cho Ngân hàng B 03 (ba) giấy chứng nhận QSD đất gồm thửa 45, 30, 07 tờ bản đồ số 87, 81 diện tích 15.337,3m² là để bảo đảm nghĩa vụ cho bên vay là ông Phan Phú T, số tiền bảo đảm thể hiện trong Hợp đồng thế chấp số 0165.11/HĐTC, ngày 14/3/2011 có căn cứ chỉ là 120.000.000 đồng và việc bà Phan Thị P thế chấp cho Ngân hàng B 03 (ba) giấy chứng nhận QSD đất gồm thửa 14, 92, 83 tờ bản số 81, 62 diện tích 5.372m² để bảo đảm nghĩa vụ trả nợ cho bên vay là ông Phan Phú T, số tiền bảo đảm thể hiện trong Hợp đồng thế chấp số 0177.11/HĐTC, ngày 18/3/2011 có căn cứ chỉ là 50.000.000 đồng, Hợp đồng thế chấp đã được UBND xã T chứng thực hợp pháp. Ngoài ra theo Văn bản số 12/B-SĐ ngày 07/4/2021 của Ngân hàng B - Chi nhánh S cũng thống nhất: Đối với Hợp đồng thế số 0165.11/HĐTC ngày 14/3/2011 Ngân hàng cho bên thế chấp trả số tiền 120.000.000 đồng, Ngân hàng sẽ trả lại tài sản thế chấp cho đại diện hợp pháp của ông Phan Văn T (do ông Tình đã chết); Đối với Hợp đồng thế chấp số 0177.11/HĐTC, ngày 18/3/2011 Ngân hàng cho bên thế chấp trả số tiền 50.000.000 đồng, Ngân hàng sẽ trả lại tài sản thế chấp cho bà Phan Thị P.

Xét thấy tại phiên tòa phúc thẩm, Ngân hàng B và những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Phan Văn T đồng thời cũng là người thừa kế của ông Tình gồm: bà Phan Thị R, bà Phan Thị P, bà Phan Thị S, ông Phan Văn L, ông Phan Thành V, ông Phan Phú H, bà Phan Thị Ngọc B, ông Phan Phú T và các con bà Phan Ngọc H (đã chết) là anh Nguyễn Ngoan Q và Nguyễn Thị Ngọc M đã thống nhất thỏa thuận: Đối với Hợp đồng thế chấp số 0165.11/HĐTC ngày 14/3/2011 Ngân hàng thống nhất cho những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Phan Văn T trả số tiền 120.000.000 đồng, Ngân hàng sẽ trả lại tài sản thế chấp cho đại diện hợp pháp của ông Phan Văn T (do ông Tình đã chết); Đối với Hợp đồng thế chấp số 0177.11/HĐTC ngày 18/3/2011 Ngân hàng thống nhất cho bà Phan Thị P trả số tiền 50.000.000 đồng, Ngân hàng sẽ trả lại tài sản thế chấp cho bà Phụng. Đại diện Viện kiểm sát cũng đề nghị Hội đồng xét xử công nhận và ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa đồng thời chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện L.

[4] Hội đồng xét xử xét thấy mặc dù tại Tòa án cấp sơ thẩm Ngân hàng B không có yêu cầu giải quyết đối với Hợp đồng thế chấp số 0177.11/HĐTC ngày 18/3/2011 nhưng vẫn thống nhất thực hiện theo quyết định của Tòa án nếu Tòa án giải quyết theo yêu cầu của bà Phan Thị P, đồng thời tại phiên tòa phúc thẩm các đương sự cũng thống nhất yêu cầu Tòa án công nhận sự thỏa thuận của các đương

sự tại phiên tòa. Nên để đảm bảo việc giải quyết toàn diện vụ án, đồng thời xét thấy việc thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa là không trái pháp luật, đạo đức xã hội và đảm bảo quyền lợi của các đương sự nên được chấp nhận là phù hợp.

[5] Đối với quan điểm và đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa như nêu trên. Hội đồng xét xử xét thấy là có cơ sở nên được chấp nhận.

[6] Từ cơ sở trên cần sửa bản án dân sự sơ thẩm theo sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa.

Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 300 và khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

1. Chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện L;
2. Công nhận và ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa phúc thẩm;
3. Sửa bản án sơ thẩm;

Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 91, 92, 95, 144, 147, 228, 273, 296 và Điều 304 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Các Điều 122, 124, 127, 132, 137, 342, 343, 410, 471, 474, 476, 677 Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 91 và Điều 95 của Luật Tổ chức tín dụng năm 2010 và Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án số 10/2009/UBTVQH12 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 27/02/2009.

3.1. Chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng B (B).

Buộc ông Phan Phú T trả cho Ngân hàng B tiền vốn vay của 02 (hai) Hợp đồng tín dụng số HM.0165.11/HĐTD ngày 14/3/2011 và số NC.0177.11/HĐTD ngày 18/3/2011 là 880.000.000 đồng (gồm 650.000.000 đồng và 230.000.000 đồng) và tiền lãi theo 02 (hai) Hợp đồng tín dụng tạm tính đến hết ngày 05/7/2013 là 593.812.625 đồng (gồm 447.282.500 đồng và 146.530.125 đồng) và tiếp tục trả lãi theo 02 (hai) Hợp đồng tín dụng từ ngày 06/7/2013 cho đến khi trả xong số nợ.

3.2. Tuyên bố Hợp đồng thế chấp QSD đất và tài sản gắn liền với đất của bên thứ ba số 0165.11/HĐTC, ngày 14/3/2011, số chứng thực 150/2011, quyền số 02/2009 TP/CC-SCT/HĐGD, tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện L, tỉnh Đồng Tháp và Hợp đồng thế chấp QSD đất và tài sản gắn liền với đất của bên thứ ba số 0177.11/HĐTC, ngày 18/03/2011, số chứng thực 170/2011, quyền số 02/2009 TP/CC-SCT/HĐGD, tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện L, tỉnh Đồng Tháp có hiệu lực một phần;

- Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Phan Văn T đồng thời là người thừa kế của ông Tình gồm: bà Phan Thị R, bà Phan Thị P, bà Phan Thị S, ông Phan Văn L, ông Phan Thành V, ông Phan Phú H, bà Phan Thị Ngọc B, ông Phan Phú T và các con bà Phan Ngọc H (đã chết) là anh Nguyễn Ngoan Q và Nguyễn Thị Ngọc M (viết tắt là những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Phan Văn T) có nghĩa vụ thực hiện nghĩa vụ bảo đảm theo Hợp đồng thế chấp QSD đất

và tài sản gắn liền với đất của bên thứ ba số 0165.11/HĐTC ngày 14/3/2011 đối với số tiền 120.000.000đ (Một trăm hai mươi triệu đồng);

Ngân hàng B có nghĩa vụ trả lại 03 (ba) bản chính giấy chứng nhận QSD đất do hộ ông Phan Văn T đứng tên cho những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tổ tụng của ông Phan Văn T như nêu trên gồm: Thửa đất số 7, tờ bản đồ số 81, diện tích 5.973,3m², mục đích sử dụng đất ONT, LNK, được UBND huyện L cấp ngày 24/11/2009, số bìa AO221808, số vào sổ cấp GCNQSDĐ: H03093; Thửa đất số 30, tờ bản đồ số 87, diện tích 5.417m², mục đích sử dụng đất trồng lúa, được UBND huyện L cấp ngày 24/11/2009, số bìa AO221809, số vào sổ cấp GCNQSDĐ: H03094; Thửa đất số 45, tờ bản đồ số 87, diện tích 3.947m², mục đích sử dụng đất trồng lúa, được UBND huyện L cấp ngày 24/11/2009, số bìa AO221807, số vào sổ cấp GCNQSDĐ: H03092 và thực hiện thủ tục xóa thế chấp theo quy định pháp luật sau khi những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tổ tụng của ông Phan Văn T đã thực hiện xong nghĩa vụ bảo đảm trả cho Ngân hàng số tiền 120.000.000đ (Một trăm hai mươi triệu đồng).

Số tiền 120.000.000đ (Một trăm hai mươi triệu đồng) mà những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tổ tụng của ông Phan Văn T đã trả xong cho Ngân hàng B sẽ được trừ vào khoản nợ vay mà ông Phan Phú T có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng như nêu trên.

- Bà Phan Thị P có nghĩa vụ thực hiện nghĩa vụ bảo đảm theo Hợp đồng thế chấp QSD đất và tài sản gắn liền với đất của bên thứ ba số 0177.11/ HĐTC ngày 18/3/2011 đối với số tiền 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng).

Ngân hàng B có nghĩa vụ trả lại 03 (ba) bản chính giấy chứng nhận QSD đất do hộ bà Phan Thị P đứng tên cho bà Phụng gồm: Thửa đất số 14, tờ bản đồ số 81, diện tích 3.175m², mục đích sử dụng đất LNK, được UBND huyện L cấp ngày 13/10/2009, số bìa AP924299, số vào sổ cấp GCNQSDĐ: H02915; Thửa đất số 83, tờ bản đồ số 62, diện tích 634m², mục đích sử dụng đất trồng lúa, được UBND huyện L cấp ngày 31/12/2007, số bìa AI589444, số vào sổ cấp GCNQSDĐ: H01444; Thửa đất số 92, tờ bản đồ số 62, diện tích 1.563m², mục đích sử dụng đất trồng lúa, được UBND huyện L cấp ngày 31/12/2007, số bìa AI589445, số vào sổ cấp GCNQSDĐ: H01445 và thực hiện thủ tục xóa thế chấp theo quy định pháp luật sau khi bà Phụng đã thực hiện xong nghĩa vụ bảo đảm trả cho Ngân hàng số tiền 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng).

Số tiền 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng) mà bà Phan Thị P đã trả xong cho Ngân hàng B sẽ được trừ vào khoản nợ vay mà ông Phan Phú T có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng như nêu trên.

3.3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Phan Phú T phải chịu 56.214.378đ (Năm mươi sáu triệu hai trăm mười bốn nghìn ba trăm bảy mươi tám đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

- Ngân hàng B phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 19.127.000 đồng, theo biên lai thu số BM/2011 15820, ngày 07/8/2013 của Chi cục Thi hành án Dân

sự huyện L, tỉnh Đồng Tháp. Ngân hàng được nhận lại số tiền thừa là 18.927.000đ (Mười tám triệu chín trăm hai mươi bảy nghìn đồng).

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Phòng GD-KT TAND Tỉnh;
- VKSND Tỉnh;
- TAND huyện L;
- Chi cục THADS huyện L;
- Đường sự;
- Lưu: VT, HSVA, TDS (N).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Ngô Tấn L